**BÀI TẬP LUYỆN TẬP HỌC PHẦN LẬP TRÌNH C**

1. **CÁC ĐỊNH NGHĨA VÀ BIỂU THỨC CƠ BẢN**
2. Viết chương trình hiển thị tên, số CMND và ngày sinh của bạn
3. Viết chương trình tính diện tích của một hình chữ nhật có chiều dài là 5 inches và chiều rộng là 3 inches. Sau đó tính diện tích của một hình chữ nhật có chiều dài và chiều rộng lần lượt là 6.8 inches, 2.3 inches
4. **MẢNG VÀ CÁC BÀI TOÁN SỐ HỌC**
5. Viết chương trình chuyển đổi độ Centigrade sang Fahrenheit theo công thức

**F = (9/5) C + 32**

1. Viết chương trình tính thể tích của hình cầu

V = (4/3)pi \* R3

1. Viết chương trình tính chu vi của hình chữ nhật

P = 2 (d + r)

1. Viết chương trình đổi km/h thành dặm/h (1 dặm = 0.6213712km)
2. Viết chương trình nhận giờ và phút từ bàn phím, sau đó đổi sang đơn vị phút, ví dụ 1 giờ 30 phút = 90 phút.
3. Viết chương trình nhận một số nguyên là một con số đơn vị phút, đổi con số đó sang giờ và phút, ví dụ 90 phút = 1 giờ 30 phút
4. **CÂU LỆNH ĐIỀU KIỆN VÀ VÒNG LẶP**
5. Viết chương trình tính khoảng cách giữa 2 điểm (sử dụng hàm sqrt)
6. Nhập vào một số nguyên dương và hiển thị chữ cái tương ứng theo bảng sau

|  |  |
| --- | --- |
| **Dải số (bắt đầu – kết thúc)** | **Chữ cái** |
| 0 – 60 | F |
| 61 – 70 | D |
| 71 – 80 | C |
| 81 – 90 | B |
| 91 – 100 | A |

Ví dụ nhập 50 hiển thị F, nhập 85 hiển thị B

1. Sử dụng bảng bài 10 kết hợp bảng dưới đây để in thêm dấu + hoặc – đằng sau các chữ cái dựa trên chữ số hàng đơn vị của mỗi con số.

|  |  |
| --- | --- |
| Dải số | Dấu |
| 1 – 3 | - |
| 4 – 7 | <khoảng trống> |
| 8 – 0 | + |

Ví dụ:

* Nhập 81 hiển thị “B-“ (81 tương ứng ký tự B, số 1 hàng đơn vị nằm trong dải từ 1 đến 3 tương ứng ký tự “-“)
* Nhập 94 hiển thị “A”
* Nhập 68 hiển thị “D+”

Lưu ý: Không tồn tại F+ và F-

1. Năm nhuận là năm chia hết cho 4 và ngược lại nếu năm đó chia hết cho 100 nhưng không chia hết cho 400. Viết chương trình kiểm tra 1 năm có phải năm nhuận hay không.